TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 493/2019/DS-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý

2. Bà Lê Phi Yến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2017 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 198/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc H, năm sinh 1960; Địa chỉ: C15/33 Ấp 3, tổ 246 xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị H1, năm sinh 1954; Địa chỉ: Số 178/19 ĐHT 42 khu phố 1, phường G, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn S, năm sinh 1954; Địa chỉ: Số 178/19 ĐHT 42 khu phố 1, phường G, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Sứng: Bà Hoàng Thị H1, năm sinh 1954; Địa chỉ: Số 178/19 ĐHT 42 khu phố 1, phường G, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 5 năm 2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Ngọc H trình bày: Ngày 08/8/2011, bà và bà Hoàng Thị H1 đến Phòng Công chứng số 02, tỉnh Long An lập hợp đồng vay tiền không có bảo đảm, theo đó bà cho bà H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng và lãi suất 1,1%/tháng. Sau khi lập hợp đồng xong, bà giao tiền cho bà H1 tại Phòng Công chứng nhưng việc giao tiền là do hai bên tự thực hiện, không có sự chứng kiến của Công chứng viên. Tuy nhiên đã hết thời hạn vay nhưng bà H1 không trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho bà như thỏa thuận. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H1 trả tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi kể từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử khoảng 1.034.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.034.000.000 đồng.

Tại thời điểm lập hợp đồng bà chỉ cho cá nhân bà H1 vay, không liên quan đến người khác. Tuy nhiên sau nhiều lần đến nhà yêu cầu bà H1 trả tiền thì bà có gặp ông Vũ Văn S xưng là chồng bà H1 nhưng bà xác định ông Sứng không liên quan đến khoản vay giữa bà với bà H1 và không yêu cầu ông Sứng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ của bà H1. Đối với những người mà bà H1 nêu ra trong các buổi làm việc tại Tòa án thì bà không biết và không có liên quan đến khoản vay này.

Bị đơn bà Hoàng Thị H1 trình bày: Ngày 02/12/2010, Công ty chúng tôi gồm Nguyễn Ngọc T, Hoàng Thị H1, Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Thị Hồng H2 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Ngọc H để vay tiền nhưng do bà H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng nên chúng tôi đã đưa tiền cho bà H để giải chấp ở Ngân hàng. Sau đó, bà H đưa cho chúng tôi thế chấp cho bà Vân để vay số tiền 500.000.000 đồng nhưng bà H đã giữ lại số tiền 210.000.000 đồng và chúng tôi chỉ nhận 290.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc T hứa sẽ cho bà H số tiền 500.000.000 đồng nhưng do bị bệnh nặng nên ngày 08/8/2011, ông T có nhờ bà ký hợp đồng vay tài sản với bà H số tiền 1.050.000.000 đồng. Việc bà vay số tiền nêu trên của bà H là nhằm xác nhận nợ dùm cho ông T nên bà H không giao tiền cho bà. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý cùng với ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim A và bà Nguyễn Thị Hồng H2 trả cho bà H số tiền 290.000.000 đồng.

Bà Hoàng Thị H1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn S trình bày: Ông Vũ Văn S không liên quan đến khoản vay giữa bà và bà H.

Tại phiên tòa;

Bà Trương Ngọc H yêu cầu bà Hoàng Thị H1 trả tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà H xác định số tiền nêu trên là tiền riêng của bà, không liên quan đến gia đình và tại thời điểm ký hợp đồng, bà chỉ cho cá nhân bà H1 vay và đã giao tiền cho bà H1 tại Phòng công chứng. Việc bà cho bà H1 vay tiền không liên quan đến ông Vũ Văn S và những người khác mà bà H1 nêu ra.

Đồng thời bà H xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H1 trả tiền lãi kể từ ngày vi phạm cho đến ngày Toà án xét xử.

Bị đơn bà Hoàng Thị H1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn S vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm ngày 08/8/2011 được lập tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Long An thể hiện bà Trương Ngọc H cho bà Hoàng Thị H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng việc giao tiền do hai bên tự thực hiện, không có sự chứng kiến của Công chứng viên. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền nêu trên là phù hợp. Đồng thời, tại phiên tòa bà H rút lại yêu cầu trả tiền lãi. Việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà H1 trả số tiền 1.000.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà H1 trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 08/8/2011, bà Trương Ngọc H cho bà Hoàng Thị H1 vay tiền, hết thời hạn theo thỏa thuận nhưng bà H1 vẫn không trả. Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả tiền, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp đòi tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Hoàng Thị H1 có địa chỉ thường trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H khởi kiện bà H1 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách người tham gia tố tụng:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà H1 trả tiền, không yêu cầu ông Vũ Văn S trả tiền hay cùng chịu trách nhiệm liên đới đến khoản vay của bà H1. Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm ngày 08/8/2011 chỉ có bà H và bà H1 giao dịch với nhau, không thể hiện ông Sứng có liên quan đến khoản vay và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện ông Sứng có liên quan đến khoản vay hay có bất kỳ một cam kết nào trả nợ thay liên quan đến khoản vay giữa bà H và bà H1. Hội đồng xét xử xác định ông Vũ Văn S không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 cho rằng việc bà ký hợp đồng vay tài sản với bà H còn có một số người khác có liên quan đến khoản vay là ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Hồng H2 và cung cấp tài liệu để chứng minh là giấy biên nhận vay tiền ngày 02/12/2010 thể hiện bên vay gồm có: ông Nguyễn Ngọc T, bà Hoàng Thị H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2 và bên cho vay là bà Trương Ngọc H. Tuy nhiên, biên nhận này không có chữ của bà H, ngày lập biên bản diễn ra trước ngày bà H và bà H1 giao dịch với nhau. Ngoài ra tại giấy xác nhận và chứng kiến công nợ ngày 08/8/2011 chỉ thể hiện bà H ký với tư cách người làm chứng. Do đó, bà H1 cho rằng khoản vay giữa bà và bà H là có liên quan đến những người có tên nêu trên là không có cơ sở nên không cần thiết phải đưa ông Nguyễn Ngọc T, bà Hoàng Thị H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2 vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[4] Xét bị đơn bà Hoàng Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bà H1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét bà Trương Ngọc H yêu cầu bà Hoàng Thị H1 trả số tiền 1.000.000.000 đồng. Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm ngày 08/8/2011 được lập tại Phòng Công chứng số 02 tỉnh Long An thể hiện bà H1 có vay của bà H số tiền nêu trên và thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng. Bà H cho rằng sau khi hết thời hạn thì bà H1 không thực hiện trả nợ cho bà H như đã cam kết. Bà H1 thừa nhận ngày 08/8/2011, bà và bà H có ký hợp đồng vay tài sản nhưng chỉ là người ký dùm cho ông Nguyễn Ngọc T và thực tế bà không nhận số tiền nêu trên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà H1 chưa nhận tiền của bà H cũng như ông T có nhờ bà H1 ký hợp đồng vay tiền nêu trên. Bà H cho rằng những người mà bà H1 nêu tên như ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Hồng H2 tại bản tự khai và các biên bản hòa giải thì bà H không biết và cũng không giao dịch mà bà H chỉ cho cá nhân bà H1 vay tiền và việc giao tiền do hai bên tự thực hiện với nhau, không có sự chứng kiến của công chứng viên. Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bà H1 có vay của bà H số tiền 1.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Xét theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu bà H1 trả tiền nợ lãi từ ngày vi phạm là ngày 08/10/2011 đến ngày Tòa án xét xử khoảng 1.034.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà H không yêu cầu bà H1 trả tiền nợ lãi và xác định rút lại yêu cầu này, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H không yêu cầu bà H1 trả tiền nợ lãi là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên không xem xét và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

[7] Về thời hạn trả nợ: Bà Trương Ngọc H yêu cầu bà Hoàng Thị H1 trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị H1 phải chịu trên yêu cầu của bà Trương Ngọc H được chấp nhận. Bà Trương Ngọc H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 163, Điều 164 và Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc H.

1.1 Buộc bà Hoàng Thị H1 trả cho bà Trương Ngọc H số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Trường hợp bà Hoàng Thị H1 chậm trả tiền thì bà H1 phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc H không yêu cầu bà Hoàng Thị H1 trả tiền nợ lãi 1.034.000.000 (Một tỷ không trăm ba mươi bốn triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Hoàng Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng.

3.2. Bà Trương Ngọc H được nhận lại số tiền 29.580.000 (Hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0005524 ngày 10/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Bà Trương Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

4.2. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu